

Danh sách

CÔNG NHẬN KẾT QUẢ THI CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-TĐHTPHCM, ngày tháng năm 2025 của Hiệu trưởng
Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh)

Khóa thi ngày: 16/5/2025 - tại Trường

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI		GHI CHÚ
					LT	TH	
01	CB165001	Nguyễn Đức Anh	20/09/2004	Tp. Hồ Chí Minh	5,5	5,0	Đạt
02	CB165002	Võ Tuấn Anh	11/01/2003	Đồng Nai	8,0	6,0	Đạt
03	CB165003	Huỳnh Thị Mai Anh	29/03/2003	TP. Hồ Chí Minh	8,0	5,0	Đạt
04	CB165004	Đặng Thị Ngọc Ánh	21/09/2003	Hải Dương	8,5	5,0	Đạt
05	CB165005	Huỳnh Thái Bảo	06/06/2004	Tp. Hồ Chí Minh	8,5	9,0	Đạt
06	CB165006	Hoàng Công Tôn Bảo	10/05/2003	Tp. Hồ Chí Minh	8,0	9,0	Đạt
07	CB165007	Vũ Lê Trọng Báu	03/04/2003	Tây Ninh	7,0	7,5	Đạt
08	CB165008	Phạm Mạnh Chiến	24/12/2002	Bà Rịa - Vũng Tàu	8,0	8,5	Đạt
09	CB165009	Võ Thị Anh Đào	15/12/2003	Bến Tre	7,5	7,5	Đạt
10	CB165010	Nguyễn Hoàng Trúc Đào	25/07/2004	TP. Hồ Chí Minh	8,5	7,0	Đạt
11	CB165011	Võ Thành Đạt	08/01/2003	Tp. Hồ Chí Minh	8,5	7,5	Đạt
12	CB165012	Huỳnh Tấn Đạt	24/01/2003	Quảng Ngãi	8,0	7,5	Đạt
13	CB165013	Nguyễn Thị Thu Hà	14/09/2003	Hà Nội	4,5	7,0	Không Đạt
14	CB165014	Phạm Trung Hà	15/11/2004	Tp. Hồ Chí Minh	8,5	8,0	Đạt
15	CB165015	Lê Huỳnh Hiên	06/07/2004	Bến Tre	6,5	9,0	Đạt
16	CB165016	Nguyễn Huy Hoàng	15/07/2003	Cà Mau	7,5	9,0	Đạt
17	CB165017	Đàm Mạnh Hùng	31/08/2003	Thanh Hóa	6,5	8,0	Đạt
18	CB165018	Ngô Đạt Hưng	01/08/2003	Tp. Hồ Chí Minh	7,0	6,5	Đạt
19	CB165019	Võ Thị Bích Huyền	22/05/2005	Khánh Hòa	9,0	7,5	Đạt
20	CB165020	Nguyễn Thị Thu Huyền	10/02/2003	Tây Ninh	7,5	8,5	Đạt
21	CB165021	Trần Quốc Khanh	23/08/2003	Kiên Giang	8,0	8,5	Đạt
22	CB165022	Nguyễn Tuấn Kiệt	09/10/2003	Tp. Hồ Chí Minh	9,5	6,0	Đạt
23	CB165023	Nguyễn Lương Hoàng Lam	10/12/2002	Bình Dương	6,5	7,5	Đạt
24	CB165024	Nguyễn Trần Khoa Lê	13/06/2003	Long An	7,5	6,0	Đạt
25	CB165025	Lê Thị Thúy Linh	13/03/2005	Bến Tre	7,0	9,0	Đạt
26	CB165026	Nguyễn Ngọc Yến Linh	27/07/2005	Tp. Hồ Chí Minh	8,5	9,0	Đạt
27	CB165027	Nguyễn Thùy Linh	11/04/2004	Tp. Hồ Chí Minh	8,5	9,0	Đạt
28	CB165028	Nguyễn Lê Thảo Loan	02/01/2004	Bình Định	6,5	8,0	Đạt
29	CB165029	Mạnh Thành Lợi	15/03/2000	Phú Yên	7,5	8,0	Đạt
30	CB165030	Châu Nguyễn Vi Bảo Mai	05/04/2005	Tây Ninh	5,5	8,0	Đạt
31	CB165031	Đậu Văn Nam	21/05/2003	Thanh Hóa	5,0	6,5	Đạt
32	CB165032	Nguyễn Hoài Phương Nam	01/01/2000	Tây Ninh	6,5	6,5	Đạt
33	CB165033	Huỳnh Khánh Ngân	12/07/2005	Tp. Hồ Chí Minh	7,5	8,5	Đạt
34	CB165034	Đỗ Thị Kim Ngọc	30/10/2004	Đồng Nai	-	-	Vắng thi

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI		GHI CHÚ
					LT	TH	
35	CB165035	Trần Thị Khánh Ngọc	01/07/2005	Tây Ninh	7,5	8,0	Đạt
36	CB165036	Trương Thị Mỹ Ngọc	25/11/2003	Long An	7,5	8,0	Đạt
37	CB165037	Hồ Lê Phương Nhân	29/01/2003	Tp. Hồ Chí Minh	4,5	5,0	Không Đạt
38	CB165038	Trần Thành Nhân	28/10/2002	Tp. Hồ Chí Minh	6,0	8,5	Đạt
39	CB165039	Trang Quỳnh Như	27/01/2003	Tp. Hồ Chí Minh	5,5	8,5	Đạt
40	CB165040	Nguyễn Thảo Như	28/09/2000	Cà Mau	8,5	8,5	Đạt
41	CB165041	Cao Huyền Thảo Như	17/08/2004	Tây Ninh	9,5	9,0	Đạt
42	CB165042	Tạ Thị Quỳnh Như	16/03/2003	Quảng Ngãi	9,5	7,5	Đạt
43	CB165043	Nguyễn Võ Quỳnh Như	17/01/2004	Tây Ninh	8,5	7,5	Đạt
44	CB165044	Bùi Trang Quỳnh Như	28/06/2002	Quảng Ngãi	5,0	2,0	Không Đạt
45	CB165045	Mai Hồng Phúc	30/11/2003	Tp. Hồ Chí Minh	7,5	8,0	Đạt
46	CB165046	Phạm Thị Thu Phương	18/08/2003	Gia Lai	8,0	7,5	Đạt
47	CB165047	Nguyễn Thành Quang	16/10/2004	Đồng Nai	6,0	5,5	Đạt
48	CB165048	Nguyễn Thị Mộng Quyền	13/09/2002	Lâm Đồng	9,0	6,5	Đạt
49	CB165049	Trần Thị Diễm Quỳnh	14/04/2003	Hà Tĩnh	8,5	6,5	Đạt
50	CB165050	Nguyễn Hoàng Sơn	22/04/2004	Bến Tre	7,0	7,5	Đạt
51	CB165051	Nguyễn Duy Thành	05/01/2003	Tp. Hồ Chí Minh	4,5	7,5	Không Đạt
52	CB165052	Lê Thị Phương Thảo	10/11/2003	Phú Yên	8,5	6,5	Đạt
53	CB165053	Hồ Thị Thảo	16/09/2003	Tp. Hồ Chí Minh	6,5	7,5	Đạt
54	CB165054	Hoàng Thị Thu Thảo	12/02/2003	Lâm Đồng	9,5	9,0	Đạt
55	CB165055	Trương Văn Thêm	30/08/2003	Long An	10,0	9,0	Đạt
56	CB165056	Nguyễn Cao Phương Thi	11/05/2003	Long An	9,5	8,0	Đạt
57	CB165057	Nguyễn Hữu Thiện	13/10/2004	Tp. Hồ Chí Minh	8,5	6,5	Đạt
58	CB165058	Lê Quang Thịnh	03/11/2004	Tp. Hồ Chí Minh	10,0	8,0	Đạt
59	CB165059	Huỳnh Thị Ái Thơ	15/09/2005	Tp. Hồ Chí Minh	7,0	8,0	Đạt
60	CB165060	Mai Anh Thơ	10/06/2003	Long An	10,0	6,5	Đạt
61	CB165061	Trần Phạm Anh Thư	13/08/2005	Tp. Hồ Chí Minh	10,0	6,5	Đạt
62	CB165062	Trần Thanh Thuận	14/09/2003	Tp. Hồ Chí Minh	7,5	6,5	Đạt
63	CB165063	Đỗ Thị Kim Thuận	26/12/2003	Long An	8,5	5,5	Đạt
64	CB165064	Phạm Quý Thương	09/04/2003	Tp. Hồ Chí Minh	7,5	7,0	Đạt
65	CB165065	Trần Phương Thùy	16/06/2005	Tp. Hồ Chí Minh	9,5	9,0	Đạt
66	CB165066	Trang Ngọc Thy	04/12/2004	Kiên Giang	7,5	9,0	Đạt
67	CB165067	Thạch Nguyễn Ái Tiên	24/04/2003	Long An	6,5	8,0	Đạt
68	CB165068	Nguyễn Minh Tiến	29/06/2005	Tp. Hồ Chí Minh	8,0	9,0	Đạt
69	CB165069	Hồ Ngọc Bảo Trâm	18/03/2005	Tp. Hồ Chí Minh	8,5	9,0	Đạt
70	CB165070	Nguyễn Thị Thùy Trang	26/01/2003	Hà Tĩnh	8,5	8,5	Đạt
71	CB165071	Hạp Thị Quỳnh Trang	11/04/2003	Tp. Hồ Chí Minh	7,5	9,5	Đạt
72	CB165072	Đào Minh Trang	16/06/2003	Thanh Hóa	7,5	6,5	Đạt
73	CB165073	Nguyễn Trần Bảo Trí	11/05/2004	Bà Rịa-Vũng Tàu	5,5	8,0	Đạt

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI		GHI CHÚ
					LT	TH	
74	CB165074	Hà Hoàng Triều	12/05/1996	An Giang	6,5	7,5	Đạt
75	CB165075	Nguyễn Thị Tú Trinh	20/05/2003	Bà Rịa-Vũng Tàu	7,5	8,0	Đạt
76	CB165076	Nguyễn Thị Thu Trinh	29/07/2003	TP. Hồ Chí Minh	7,0	8,5	Đạt
77	CB165077	Nguyễn Quốc Trọng	04/11/2002	Đắk Lắk	8,0	7,0	Đạt
78	CB165078	Nguyễn Ngọc Thanh Trúc	06/03/2005	Bình Dương	7,5	6,5	Đạt
79	CB165079	Nguyễn Mai Trúc	19/07/2005	Tp. Hồ Chí Minh	7,5	7,0	Đạt
80	CB165080	Trần Việt Cát Tường	12/08/2005	Lâm Đồng	6,5	8,0	Đạt
81	CB165081	Nguyễn Nhã Uyên	25/07/2005	Kiên Giang	10,0	8,5	Đạt
82	CB165082	Huỳnh Trâm Uyên	06/02/2003	Đắk Lắk	10,0	8,5	Đạt
83	CB165083	Nguyễn Thị Mỹ Vân	05/09/2003	Tp. Hồ Chí Minh	9,5	7,0	Đạt
84	CB165084	Lê Thị Yến Vi	12/07/2003	Đắk Lắk	9,0	7,0	Đạt
85	CB165085	Trần Ngọc Công Vinh	04/12/2003	Tp. Hồ Chí Minh	9,5	7,0	Đạt
86	CB165086	Nguyễn Trường Vũ	22/02/2002	Tp. Hồ Chí Minh	7,5	7,0	Đạt
87	CB165087	Bùi Hồng Yến	13/09/2003	Long An	7,5	6,5	Đạt

Tổng cộng: 87 thí sinh